

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THANH QUANG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT
CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA
KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH GIA LAI**

Chuyên ngành: Kinh tế Phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. NGUYỄN NGỌC VŨ

Phản biện 1: TS. Đoàn Gia Dũng

Phản biện 2: TS. Hà Ban

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 02 tháng 03 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của Đề tài

Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi Ngân sách Nhà nước (NSNN) luôn là mối quan tâm lớn của Đảng, Nhà nước và của các cấp, các ngành, góp phần quan trọng trong việc giám sát sự phân phối và sử dụng nguồn lực tài chính một cách đúng mục đích, có hiệu quả; đồng thời là một biện pháp hữu hiệu để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Từ năm 2004, thực hiện Luật NSNN (sửa đổi), công tác quản lý, kiểm soát chi NSNN qua Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã có những chuyển biến tích cực; công tác lập, duyệt, phân bổ dự toán được chú trọng hơn về chất lượng và thời gian; Việc quản lý điều hành NSNN cũng đã có những thay đổi lớn và đạt được thành tựu quan trọng, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển, giải quyết những vấn đề xã hội.

Tuy vậy, ngoài những vấn đề thực hiện nhiệm vụ chung của toàn hệ thống, việc quản lý và kiểm soát chi (KSC) NSNN qua KBNN trên địa bàn tỉnh Gia Lai còn có những vấn đề chưa phù hợp. Cơ chế quản lý chi NSNN trên địa bàn trong nhiều trường hợp còn bị động và chậm chạp; còn chồng chéo chức năng kiểm soát chi giữa cơ tài chính và cơ quan KBNN. Nội dung và quy trình kiểm soát chi còn mang nặng thủ tục hành chính rườm rà, chưa thật sự gắn kết giữa cải cách thủ tục hành chính với công tác kiểm soát chi; còn dẫn đến tình trạng lãng phí NSNN, chưa phân định trách nhiệm rõ ràng giữa cơ quan giao kế hoạch, dự toán (cơ quan tài chính và đơn vị chủ quan cấp trên), cơ quan kiểm soát chi (cơ quan KBNN) và đơn vị trực tiếp sử dụng NSNN. Đặc biệt là trách nhiệm và vai trò của chủ đầu tư, thủ trưởng đơn vị sử dụng NSNN trước pháp luật. Nhiều vấn đề cấp bách không được đáp ứng kịp thời hoặc chưa có quan điểm xử

lý thích hợp, lúng túng. công tác điều hành NSNN của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh đôi lúc còn bất cập; vai trò quản lý quỹ NSNN của KBNN trên địa bàn chưa coi trọng đúng mức; năng lực kiểm soát chi NSNN của KBNN trên địa bàn còn chưa đáp ứng với xu thế đổi mới chưa tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị sử dụng NSNN, chủ đầu tư, chưa đáp ứng tốt yêu cầu cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính công. Vì vậy, kiểm soát chi NSNN qua KBNN trên địa bàn tỉnh Gia Lai cần được hoàn thiện một cách khoa học, có hệ thống.

Xuất phát từ tình hình thực tế đó, Tác giả chọn Đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Tỉnh Gia Lai”*** để nghiên cứu nhằm góp phần làm rõ cơ chế quản lý, kiểm soát và nâng cao hiệu quả chi NSNN thông qua hệ thống KBNN trên địa bàn Tỉnh Gia Lai.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài sẽ tập trung nghiên cứu: Hệ thống hóa tổng quan cơ sở lý luận về kiểm soát chi NSNN qua KBNN. Qua đó tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng và những hạn chế của công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN Gia Lai trong thời gian qua. Từ đó, rút ra những nguyên nhân và đề xuất phương hướng, một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Những đóng góp của Đề tài:

Làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN trong điều kiện cải cách quản lý nền tài chính công và cải cách thủ tục hành chính.

Đánh giá thực trạng công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN trên địa bàn Tỉnh Gia Lai giai đoạn 2008 - 2010.

Đề xuất kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN Gia Lai.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Kiểm soát chi NSNN, bao gồm các khoản chi thường xuyên và chi đầu tư qua KBNN trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Phạm vi nghiên cứu: Hoạt động kiểm soát chi NSNN của hệ thống KBNN tỉnh Gia Lai có 17 đơn vị KBNN gồm: Văn phòng Kho bạc tỉnh và 16 Kho bạc Huyện, Thị xã trực thuộc. Với số liệu chi NSNN từ năm 2008 đến 2010. Ngoài ra Đề tài nghiên cứu hoạt động kiểm soát chi NSNN trong mối quan hệ với các nhân tố bên trong và bên ngoài tác động đến kiểm soát chi NSNN qua KBNN trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài dựa trên nền tảng phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin như: Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để phân tích, đánh giá công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN trong quá khứ và hiện tại có mối quan hệ tương quan trong công tác quản lý NSNN trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Đề tài nghiên cứu sử dụng tổng hợp các phương pháp: Thu thập tài liệu, khảo sát thực tế, thống kê, phân tích, tổng hợp đối chiếu nhằm đưa ra các bằng chứng về kết quả đạt được và còn hạn chế tồn tại trong công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN trên địa bàn tỉnh Gia Lai để từ đó kiến nghị, đề xuất một số giải pháp cho công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN trên địa bàn tỉnh Gia Lai ngày càng tốt hơn, đáp ứng yêu cầu quản lý quỹ NSNN trên địa bàn.

5. Bố cục của Đề tài

Ngoài phần Mở đầu, Tổng quan về tài liệu, Kết luận, Danh

mục tài liệu tham khảo, Hệ thống bảng biểu, sơ đồ và Mục lục. Nội dung của đề tài được bố cục thành ba chương:

Chương 1: Lý luận chung về kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước;

Chương 2: Thực trạng về kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Tỉnh Gia Lai;

Chương 3: Giải pháp đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Tỉnh Gia Lai.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu.

Theo báo cáo của Kho bạc Nhà nước Gia Lai (2008-2010), *Báo cáo tổng kết hoạt động KBNN Gia Lai hàng năm*. Trong phần tồn tại cũng đã chỉ rõ:

Công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN Gia Lai hiện nay vẫn còn trình trạng chông chéo chức năng, nhiệm vụ giữa cơ quan tài chính và cơ quan KBNN. Ý thức trách nhiệm của các đơn vị sử dụng NSNN, các chủ đầu tư trên địa bàn chưa cao. Đội ngũ cán bộ công chức làm công tác kiểm soát chi của KBNN Gia Lai còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng về năng lực, trình độ, đạo đức tác phong, bố trí, luân chuyển. Quy trình kiểm soát chưa thật sự khoa học, lúng túng, gây khó khăn, ách tắc trong thực thi công vụ của công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN trên địa bàn Tỉnh Gia Lai.

Nhìn chung, các nghiên cứu của các Tác giả, các Báo cáo, Văn bản Pháp luật đã đề cập đến vai trò của KBNN trong lĩnh vực kiểm soát chi NSNN qua KBNN. Thế nhưng, từ năm 2003 đến nay, trên địa bàn Tỉnh Gia Lai vẫn chưa có một Báo cáo, Đề tài nghiên cứu nào về thực trạng công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Vì vậy trên cơ sở kế thừa và phát triển chọn lọc các lý thuyết nghiên cứu của các Tác giả. Quy định của các Văn bản Pháp luật về quản lý chi NSNN và kiểm soát chi NSNN qua KBNN. Đề tài **“Hoàn thiện công tác kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Tỉnh Gia Lai”** để nghiên cứu nhằm góp phần làm rõ cơ chế quản lý, quy trình kiểm soát và nâng cao hiệu quả chi NSNN thông qua hệ thống KBNN trên địa bàn Tỉnh Gia Lai.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM SOÁT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

1.1. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1.1.1. Ngân sách Nhà nước

a. Khái niệm Ngân sách Nhà nước

Ở nước ta, Luật Ngân sách Nhà nước đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/12/2002 định nghĩa: **“Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước trong dự toán đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để đảm bảo thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước.”**

NSNN có 2 chức năng cơ bản:

- *Huy động nguồn Tài chính và đảm bảo các nhu cầu chi tiêu theo dự toán của Nhà nước.*

- *Thực hiện cân đối giữa các khoản thu và các khoản chi (bằng tiền) của Nhà nước.*

b. Đặc điểm Ngân sách Nhà nước

Ngân sách Nhà nước có vai trò rất quan trọng trong toàn bộ hoạt động kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của đất nước.

Ngân sách Nhà nước là công cụ điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế xã hội.

Huy động các nguồn tài chính của NSNN để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của Nhà nước.

Quản lý điều tiết vĩ mô nền kinh tế:

Về mặt kinh tế: Kích thích sự tăng trưởng kinh tế theo sự định hướng phát triển kinh tế xã hội

Về mặt xã hội: Vai trò điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội.

Về mặt thị trường: Nhà nước sẽ sử dụng NSNN như một công cụ để góp phần bình ổn giá cả và kiềm chế lạm phát.

Kiểm chế lạm phát.

c. Vai trò của Ngân sách Nhà nước

Ngân sách Nhà nước có vai trò rất quan trọng trong toàn bộ hoạt động kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của đất nước.

Ngân sách Nhà nước là công cụ điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế xã hội, định hướng phát triển sản xuất, điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, điều chỉnh đời sống xã hội.

Huy động các nguồn tài chính của Ngân sách Nhà nước để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của Nhà nước

1.1.2. Quản lý chi Ngân sách Nhà nước

a. Khái niệm quản lý chi Ngân sách Nhà nước

Khái niệm chi Ngân sách Nhà nước: Chi Ngân sách Nhà nước là việc phân phối và sử dụng quỹ NSNN nhằm đảm bảo thực

hiện chức năng của Nhà nước theo những nguyên tắc nhất định.

b. Nội dung và phân loại chi NSNN

Theo tính chất của các khoản chi, thì chi NSNN được chia thành:

- Chi thường xuyên;
- Chi đầu tư phát triển (ĐTPT):

Theo yếu tố chi, thì chi NSNN được chia thành: Chi đầu tư; chi thường xuyên; chi khác.

Theo đối tượng trực tiếp của mỗi khoản chi, thì chi NSNN có thể chia thành: Chi cho con người; chi mua sắm vật liệu, dụng cụ; chi xây dựng, sửa chữa; chi trợ cấp, tài trợ, hoàn trả nợ vay.

Theo tiêu thức thống kê Tài chính của Chính phủ, thì người ta chia các khoản chi NSNN theo Mục lục Ngân sách Nhà nước.

c. Đặc điểm quản lý chi Ngân sách Nhà nước

Đặc điểm của chi Ngân sách Nhà nước:

Chi ngân sách Nhà nước gắn với bộ máy Nhà nước và những nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội mà Nhà nước đảm đương trong từng thời kỳ;

Chi NSNN gắn với quyền lực Nhà nước, mang tích chất pháp lí cao;

Các khoản chi của NSNN được xem xét hiệu quả trên tầm vĩ mô;

Các khoản chi của NSNN mang tính chất không hoàn trả trực tiếp;

Các khoản chi của NSNN gắn chặt với sự vận động của các phạm trù giá trị khác như giá cả, lãi suất, tỷ giá hối đoái, tiền lương, tín dụng, v.v... (các phạm trù thuộc lĩnh vực tiền tệ).

d. Phân cấp quản lý chi NSNN

Hệ thống NSNN ở nước ta được tổ chức gắn liền với cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước. Theo quy định của pháp luật, mỗi cấp chính quyền có ngân sách riêng. Do đó, gắn với bốn cấp chính quyền ngân sách cũng được tổ chức thành bốn cấp tương ứng, bao gồm: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; ngân sách huyện, quận, thị xã; ngân sách xã, (phường, thị trấn).

1.2. KIỂM SOÁT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC.

1.2.1. Khái niệm về kiểm soát chi NSNN

Kiểm soát chi NSNN là quá trình các cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định, kiểm tra, kiểm soát các khoản chi NSNN trên cơ sở nền tảng chính sách, chế độ, định mức chi tiêu, các chuẩn mực, nguyên tắc, hình thức và phương pháp quản lý tài chính do Nhà nước được quy định dưới các hình thức Luật, Pháp lệnh và các Văn bản hướng dẫn thực hiện Luật, Pháp lệnh đó.

1.2.2. Phân loại kiểm soát chi NSNN

Có rất nhiều tiêu thức phân loại kiểm soát chi NSNN:

Nếu căn cứ vào tiêu thức kiểm soát tính chất của khoản chi, có hai hình thức kiểm soát chi NSNN như sau:

- Kiểm soát chi thường xuyên NSNN: thức và phương pháp quản lý tài chính trong từng giai đoạn cụ thể.

- Kiểm soát chi đầu tư phát triển NSNN:

Nếu phân loại theo tiêu thức thời gian thì có các hình thức kiểm soát chi NSNN sau:

- Kiểm soát trước khi thực hiện chi hay còn gọi là kiểm soát phòng ngừa : Nhằm đề phòng rủi ro, loại trừ các sai phạm trước khi chúng xuất hiện.

- Kiểm soát trong quá trình thực hiện chi tiêu: Ngăn ngừa sai lầm có thể xảy ra.

- Kiểm soát sau khi thực hiện chi:

1.2.3. Sự cần thiết của kiểm soát chi NSNN qua KBNN

Một là: Quản lý các khoản chi NSNN đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý và sử dụng NSNN.

Hai là: Các khoản chi NSNN thường mang tính không hoàn trả trực tiếp, nhận được những kết quả tương xứng với số tiền mà Nhà nước đã bỏ ra.

Ba là: Xuất phát từ tính chất, đặc điểm của các khoản chi NSNN là diễn ra trên phạm vi rộng, liên quan đến nhiều đối tượng trong xã hội.

Bốn là: Hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế là xu thế tất yếu và là một yêu cầu khách quan đối với một quốc gia trên con đường phát triển.

1.2.4. Nội dung kiểm soát chi NSNN qua KBNN

a. Kiểm soát chi thường xuyên

- *Đối tượng kiểm soát chi thường xuyên*
- *Quy trình kiểm soát chi thường xuyên*
- *Nguyên tắc kiểm soát chi thường xuyên*
- *Phương thức kiểm soát chi thường xuyên*

b. Kiểm soát chi đầu tư phát triển

- *Đối tượng kiểm soát chi đầu tư phát triển.*
- *Quy trình kiểm soát chi đầu tư phát triển*
- *Nguyên tắc kiểm soát chi đầu tư phát triển.*
- *Phương thức kiểm soát chấp hành chi NSNN*

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KIỂM SOÁT CHI NSNN QUA KBNN

1.3.1. Quy định của pháp luật; các quy định của Nhà nước về kiểm soát chi NSNN và về chế độ, định mức chi NSNN

a. Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện:

b. Định mức chi tiêu Ngân sách

c. Dự toán chi NSNN hàng năm

1.3.2. Năng lực tổ chức kiểm soát chi NSNN của KBNN

1.3.3. Cơ chế quản lý Ngân sách Nhà nước

1.3.4. Cơ chế quản lý tài chính của các đơn vị sử dụng

NSNN

1.4. VAI TRÒ CỦA KBNN TRONG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI NSNN

1.4.1. Quản lý các nguồn vốn Tài chính Nhà nước (quỹ NSNN)

1.4.2. Vai trò ngân hàng Chính phủ

1.4.3. Vai trò tổng kế toán Quốc gia

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong những phần trên Luận văn đã trình bày những vấn đề cơ bản về NSNN và kiểm soát chi NSNN; vai trò của KBNN trong việc quản lý, kiểm soát chi NSNN và những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác kiểm soát chi NSNN. Đây là cơ sở lý luận cho việc đánh giá thực trạng công tác quản lý, kiểm soát chi NSNN qua KBNN trong những năm gần đây; từ đó, đề ra những giải pháp nhằm hoàn thiện và đổi mới cơ chế quản lý và kiểm soát chi NSNN qua KBNN trên địa bàn Tỉnh Gia Lai trong thời gian tới.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VỀ KIỂM SOÁT CHI NSNN QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH GIA LAI

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ KBNN GIA LAI

2.1.1. Quá trình ra đời và phát triển

2.1.2. Cơ cấu tổ chức

Sơ đồ cơ cấu tổ chức (Sơ đồ số 2.1)

2.1.3. Kết quả hoạt động của KBNN Gia Lai trong thời gian qua

a. Kết quả thu – chi NSNN trên địa bàn Tỉnh Gia Lai

b. Khái quát tình hình kiểm soát chi NSNN qua KBNN Gia Lai (Biểu 2.2)

c. Tình hình chi NSNN qua Kho bạc Nhà nước Gia Lai giai đoạn 2008 - 2010

2.2. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT CHI NSNN QUA KBNN GIA LAI.

2.2.1. Kiểm soát chi thường xuyên

a. Khái quát tình hình KSC thường xuyên qua KBNN Gia Lai. (Biểu 2.3)

Có thể khái quát cơ chế cấp phát, thanh toán và kiểm soát các khoản chi thường xuyên qua KBNN Gia Lai từ khi có luật NSNN (1997) và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật NSNN như sau:

Giai đoạn từ 1997-2003:

Giai đoạn từ năm 2004 đến nay

b. Đối tượng chịu sự kiểm soát chi thường xuyên (Biểu 2.4)

c. Quy trình tổ chức kiểm soát chi thường xuyên.

Sơ đồ mô tả quy trình kiểm soát chi (Sơ đồ 2.2)

Bước 1: Lập kế hoạch kiểm soát

Bước 2: Giao nhiệm vụ kiểm soát

Bước 3: Thực hiện kiểm soát

Bước 4: Soát xét kết quả kiểm soát

d. Nguyên tắc kiểm soát, thanh toán chi thường xuyên.

Có trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Các khoản chi phải đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ của Nhà nước.

Được Thủ trưởng đơn vị chuẩn chi. Tất cả các đơn vị sử dụng kinh phí NSNN phải mở tài khoản tại KBNN. Chịu sự kiểm soát của KBNN.

Các khoản chi phải có đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán.

e. Phương thức kiểm soát chi thường xuyên.

Phương thức kiểm soát chi thường xuyên NSNN diễn ra tại tất cả các khâu của chu trình quản lý NSNN, bao gồm:

- **Kiểm soát lập dự toán chi thường xuyên NSNN:**

- **Kiểm soát chấp hành dự toán chi thường xuyên NSNN:**

- **Kiểm soát quyết toán chi thường xuyên NSNN:**

f. Kết quả kiểm soát chi thường xuyên giai đoạn 2008-2010

Biểu 2.5. Kết quả kiểm soát chi thường xuyên

ĐVT: Tỷ đồng

Chi tiêu	Năm			Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
	2008	2009	2010	tăng năm 2009 so với năm 2008	tăng năm 2010 so với năm 2009	tăng năm 2010 so với năm 2008
1. Chi NSNN trên địa bàn	6.430	5.638	7.099	-12.3%	25.9%	10.4%
2. Chi thường xuyên	5.015	4.135	5.140	-17.5%	24.3%	2.5%

3. Số tiền từ chối qua KSC từ chi thường xuyên.	2.75	2.65	2.55	-3.6%	-3.8%	-2.7%
Trong đó:						
- Từ chối do vượt dự toán	0.45	0.25	0.32	-44.5%	28%	-28.9%
- Từ chối do thiếu hồ sơ, thủ tục pháp lý	1.45	1.62	1.25	11.7%	-22.8%	-13.8%
- Từ chối do không tuân thủ mục lục NSNN và chế độ chứng từ kế toán	0.57	0.45	0.76	-21%	68.9%	33.3%
- Từ chối do sai chế độ, định mức.	0.28	0.33	0.22	17.8%	-33.3%	-21.4%
4. Chiếm tỷ lệ (%) trong tổng chi NSNN	0.042%	0.047%	0.036%	0.003%	-0.011%	-0.006%
5. Chiếm tỷ lệ (%) trong tổng chi thường xuyên	0.055%	0.064%	0.050%	0.009%	-0.041%	-0.005%

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động hàng năm của KBNN Gia Lai)

2.2.2. Kiểm soát chi đầu tư phát triển

a. Khái quát tình hình KSC ĐTPT qua KBNN Gia Lai

(Biểu 2.6)

b. Đối tượng chịu sự KSC đầu tư phát triển (Biểu 2.7)

c. Quy trình tổ chức kiểm soát chi đầu tư phát triển

Sơ đồ mô tả quy trình kiểm soát chi đầu tư phát triển (Sơ đồ

2.2)

Bước 1: Lập kế hoạch kiểm soát

Bước 2: Giao nhiệm vụ kiểm soát

Bước 3: Thực hiện kiểm soát

Bước 4: Soát xét kết quả kiểm soát

d. Nguyên tắc kiểm soát chi đầu tư phát triển

e. Phương thức kiểm soát chi đầu tư phát triển

- Kiểm soát việc lập dự toán

- Kiểm soát chấp hành dự toán

- Kiểm soát khi quyết toán

f. Kết quả KSC đầu tư phát triển giai đoạn 2008 – 2010

Biểu 2.8: Kết quả kiểm soát chi đầu tư qua KBNN Gia Lai

ĐVT: tỷ đồng

Chi tiêu	Năm			Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
	2008	2009	2010	tăng năm 2009 so với năm 2008	tăng năm 2010 so với năm 2009	tăng năm 2010 so với năm 2008
1. Chi NSNN trên địa bàn	6.430	5.638	7.099	-12.3%	25.9%	10.4%
2. Chi đầu tư phát triển	1.415	1.503	1.959	6.20%	30.0%	38.4%
3. Số tiền từ chối qua KSC : <i>trong đó</i>	3.25	4.35	4.45	33.8%	2.3%	36.9%
- Từ chối do vượt dự toán, TMĐT	0.47	0.36	0.22	-23.4%	-38.9%	-53.2%
- Từ chối do thiếu hồ sơ pháp lý	1.45	2.32	2.87	60.0%	23.7%	90.5%
- Từ chối do không tuân thủ QT QLDA	0.86	1.1	0.95	27.9%	13.6%	10.5%
- Từ chối do sai chế độ, định mức.	0.47	0.57	0.86	21.3%	50.8%	83.0%
4. Chiếm tỷ lệ (%) trong tổng chi NSNN	0.05%	0.09%	0.06%	0.04%	-0.03%	0.01%
5. Chiếm tỷ lệ (%) trong tổng chi ĐTPT	0.22%	0.29%	0.23%	0.07%	0.06%	0.01%

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động hàng năm của KBNN Gia Lai)

2.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH ĐẾN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI NSNN QUA KBNN

2.3.1. Quy định của pháp luật và các quy định của Nhà nước về kiểm soát chi NSNN và về chế độ, định mức chi NSNN.

a. Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn.

b. Định mức chi tiêu Ngân sách

c. Dự toán chi NSNN

2.3.2. Năng lực tổ chức kiểm soát chi NSNN của KBNN

2.3.3. Cơ chế quản lý Ngân sách Nhà nước

2.3.4. Cơ chế quản lý tài chính của các đơn vị sử dụng

NSNN

2.4. NHỮNG HẠN CHẾ TRONG KIỂM SOÁT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH GIA LAI

2.4.1. Hạn chế trong tổ chức hoạt động kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước của Kho bạc Nhà nước Tỉnh Gia Lai

Một là, áp dụng không linh hoạt cơ chế “một cửa”

Hai là, bố trí cán bộ kiểm soát chưa khoa học

Ba là, còn có hiện tượng gây khó khăn trong kiểm soát

2.4.2. Hạn chế trong cơ chế quản lý chi Ngân sách Nhà nước trên địa bàn Tỉnh Gia Lai

a. Đối với chi thường xuyên

Một là, phân bổ dự toán mang tính khoán chi

Hai là, chất lượng báo cáo quyết toán của các đơn vị thấp

b. Đối với chi Đầu tư phát triển

Một là, tình trạng đầu tư mang tính dàn trải

Hai là, công tác quyết toán của chủ đầu tư chậm

Ba là, Sở Tài chính chưa tuân thủ quy chế cấp phát

2.4.3. Hạn chế trong việc chấp hành chi và ý thức trách nhiệm của các đơn vị sử dụng Ngân sách Nhà nước

a. Đối với chi thường xuyên

Một là, đơn vị sử dụng NSNN lạm dụng hình thức tạm ứng

Hai là, đơn vị sử dụng NSNN lạm dụng hình thức đấu thầu

b. Đối với chi đầu tư phát triển

Một là, tiêu chí kiểm soát còn thiếu và chưa đồng bộ

Hai là, không trung thực trong việc báo cáo khối lượng hoàn thành

Ba là, còn tình trạng cơ chế xin cho

2.5. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN NHỮNG HẠN CHẾ TRONG KIỂM SOÁT CHI NSNN QUA KBNN TỈNH GIA LAI

2.5.1. Chức năng, nhiệm vụ và năng lực kiểm soát chi NSNN của KBNN Tỉnh Gia Lai chưa đáp ứng được yêu cầu

a. Về chức năng nhiệm vụ

Một là, vai trò của KBNN Gia Lai chưa được coi trọng

Hai là, chưa có nhiệm vụ kiểm soát sau khi chi

Ba là, phân công nhiệm vụ kiểm soát chi không tập trung

b. Về năng lực kiểm soát

2.5.2. Cơ chế quản lý chi NSNN trên địa bàn Gia Lai chưa thống nhất

a. Đối với chi thường xuyên

Một là, quy trình lập dự toán chưa được tuân thủ chặt chẽ

Hai là, quy trình và thủ tục chi NSNN còn có kẽ hở

Ba là, hình thức cấp phát không hợp lý

Bốn là, cơ chế phối hợp trong kiểm soát chi NSNN chưa thống nhất

Năm là, chức năng thanh tra của Sở Tài chính phải được tăng cường

b. Đối với chi đầu tư phát triển

Một là, sự thống nhất cơ chế chính sách

Hai là, phương pháp lựa chọn Nhà thầu

Ba là, quy định trách nhiệm giữa các bên liên quan

2.5.3. Cơ chế quản lý tài chính các đơn vị sử dụng NSNN

chưa chặt chẽ

a. Đối với chi thường xuyên NSNN

Một là, cơ chế kiểm soát chưa chặt chẽ

Hai là, phương thức cấp phát NSNN chưa hợp lý

Ba là, trình độ cán bộ của các đơn vị sử dụng NSNN còn

thấp

b. Đối với chi Đầu tư phát triển

Một là, quy định trách nhiệm chưa cụ thể

Hai là, năng lực trình độ của các chủ đầu tư còn yếu.

Ba là, ý thức chấp hành chế độ chính sách

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trên cơ sở trình bày và phân tích thực trạng công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN tỉnh Gia Lai giai đoạn 2008 – 2010 được tập trung qua các vấn đề: Khái quát về tổ chức bộ máy hoạt động của KBNN Gia Lai, cũng như hiện trạng công tác kiểm soát chi NSNN trên địa bàn. Về cơ chế quản lý chi NSNN qua KBNN Tỉnh Gia lai và cơ chế quản lý Tài chính của các đơn vị sử dụng NSNN. Phân tích một số kết quả đạt được trong công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN Gia Lai giai đoạn 2008 – 2010 và đi sâu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN tỉnh Gia Lai. Từ đó rút ra đánh giá những mặt được và chưa được, những hạn

chế, nguyên nhân của những hạn chế trong kiểm soát chi trên địa bàn. Từ đó để thấy rõ được những nội dung cần khắc phục, cần phải đổi mới, nhằm hoàn thiện nhiệm vụ kiểm soát chi NSNN qua KBNN trên địa bàn Tỉnh Gia Lai.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH GIA LAI

3.1. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Định hướng phát triển của Kho bạc Nhà nước Trung Ương

3.1.2. Định hướng phát triển của Tỉnh Gia Lai

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH GIA LAI

3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy và năng lực kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước của Kho bạc Nhà nước Gia Lai

a. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ kiểm soát chi NSNN của KBNN Gia Lai

b. Nâng cao năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ Kho bạc Nhà nước Gia Lai

3.2.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện phương pháp nghiệp vụ kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước của Kho bạc Nhà nước Tỉnh Gia Lai

a. Hoàn thiện phương pháp nghiệp vụ kiểm soát chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước của Kho bạc Nhà nước Tỉnh Gia Lai

Một là, kiểm soát chi tiết chứng từ chi tiêu của đơn vị sử dụng NSNN

Hai là, theo dõi định mức các khoản mua sắm phải đấu thầu

Ba là, cho phép thanh toán bằng tiền mặt tại vùng sâu, vùng xa

Bốn là, thay đổi cách bố trí cán bộ kiểm soát chi NSNN

Năm là, cải tiến mô hình kiểm soát chi theo cơ chế một cửa

b. Hoàn thiện phương pháp nghiệp vụ kiểm soát chi đầu tư phát triển của Kho bạc Nhà nước Tỉnh Gia Lai

Một là, tập trung kiểm soát theo chức năng phòng nghiệp vụ

Hai là, cải tiến cách theo dõi dữ liệu kiểm soát

Ba là, thay đổi phương pháp sử dụng phần mềm nghiệp vụ

Bốn là, cải tiến phương pháp kiểm soát

Năm là, cải tiến mô hình kiểm soát theo cơ chế một cửa

3.2.3. Nhóm giải pháp đổi mới cơ chế quản lý NSNN trên địa bàn

a. Hoàn thiện phân cấp quản lý NSNN của các cấp trên địa bàn Tỉnh Gia Lai

- Đối với chi thường xuyên:

Một là, phân định quyền hạn, trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý

Hai là, quy định về trách nhiệm pháp lý và vật chất

Ba là, tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan quản lý và đơn vị sử dụng NSNN

Bốn là, xây dựng hệ thống định mức phù hợp thực tế

- Đối với chi đầu tư phát triển:

Một là, xây dựng văn bản hướng dẫn phải rõ ràng

Hai là, Đổi mới việc xây dựng chiến lược đầu tư

Ba là, tăng cường quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan liên quan đến quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn.

Bốn là, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan Tài chính

b. Đổi mới hình thức và thủ tục cấp phát NSNN qua KBNN.

- Đối với chi thường xuyên

Một là: Xác định rõ phạm vi và đối tượng cấp phát bằng Lệnh chi tiền.

Hai là: Hạn chế đi đến xoá bỏ hình thức ghi thu, ghi chi NSNN.

Ba là: Đổi mới quy trình, thủ tục cấp phát chi kinh phí uỷ quyền.

- Đối với chi đầu tư phát triển

Hoàn thiện quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư theo hướng giảm bớt thủ tục, hồ sơ không cần thiết, rút ngắn thời gian kiểm soát, thực hiện cơ chế một cửa trong kiểm soát vốn đầu tư với mục tiêu đảm bảo thanh toán kịp thời, đúng chế độ, hạn chế tối đa những thất thoát, lãng phí trong đầu tư và xây dựng.

c. Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính của các đơn vị sử dụng NSNN

- Đổi mới các định mức chi cho phù hợp với nhiệm vụ cụ thể.

- Hiện đại hoá công tác hạch toán kế toán.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Hoàn thiện và nâng cao chất lượng kiểm soát chi NSNN qua KBNN đòi hỏi phải có nhiều cách tiếp cận và thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau cùng với sự phối hợp của nhiều cơ quan hữu quan trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Đồng thời để những giải pháp đó có thể áp dụng được trong thực tiễn, cũng cần phải có các giải pháp điều kiện. Thực hiện một cách đầy đủ và triệt để theo những giải pháp nêu trên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý và kiểm soát chi NSNN qua KBNN trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong thời gian tới.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Nước ta đang tiến hành chương trình tổng thể cải cách nền hành chính quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Trong đó, cải cách tài chính công là một nội dung quan trọng, với mục tiêu nâng cao tính minh bạch trong quản lý tài chính công, hạn chế tiêu cực trong việc sử dụng NSNN và đảm bảo an ninh tài chính trong quá trình phát triển và hội nhập. Vì vậy, hoàn thiện công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN là một trong những yêu cầu cấp thiết nhằm củng cố kỷ luật tài chính, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả NSNN, góp phần tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy nền kinh tế- xã hội phát triển. Hoàn thiện công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN trên địa bàn Tỉnh Gia Lai đã và đang là nội dung thiết thực, cần thiết đối với đơn vị cơ sở triển khai thực hiện Luật NSNN. Đây là nội dung tương đối phức tạp không chỉ liên quan đến cơ quan KBNN, mà có phạm vi rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp. Suốt quá trình nghiên cứu Luận văn đã giải quyết được mục tiêu đặt ra, thể hiện ở các nội dung sau:

Một là: Trên cơ sở tổng quan về lý luận về NSNN, chi NSNN, quản lý chi NSNN, kiểm soát chi NSNN để thấy được vai trò kiểm soát chi NSNN, các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát chi NSNN qua KBNN.

Hai là: Phân tích, đánh giá thực trạng công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN Gia Lai. Rút ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân.

Ba là: Đề xuất những những phương hướng và giải pháp hoàn thiện kiểm soát chi NSNN qua KBNN trên địa bàn Tỉnh Gia Lai..

Quản lý chi tiêu NSNN là một vấn đề rộng và phức tạp, nên những kiến nghị, giải pháp, đề xuất trong đề tài chỉ là những đóng góp nhỏ từ thực tiễn công tác quản lý trực tiếp từ cơ sở, rất mong đề tài sẽ góp một phần những hiểu biết của mình cho sự phát triển ngày càng đi lên của hệ thống KBNN nói chung và KBNN Gia Lai nói riêng.

2. KIẾN NGHỊ

Một là: Đẩy mạnh cải cách hành

Phải có cơ chế cải cách hành chính sâu rộng ở mọi cấp, mọi ngành, mọi đơn vị bao gồm: cải cách thể chế, cải cách bộ máy, xây dựng đội ngũ công chức trong sạch vững mạnh, cải cách tài chính công; Đảm bảo tăng cường hiệu lực và hiệu quả của bộ máy hành chính Nhà nước, xác định rõ trách nhiệm và chế tài nghiêm minh. Đồng thời, sử dụng có hiệu quả các công cụ vĩ mô trong điều tiết nền kinh tế thị trường tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế nói chung và cho lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản nói riêng.

Hai là: Xây dựng cơ chế chính sách có khả năng thực hiện cao

Nhà nước phải xây dựng cơ chế chính sách trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản đầy đủ, rõ ràng, đồng bộ và có thời gian ổn định cao, tránh chế độ chính sách thay đổi quá nhiều và nhanh như thời gian vừa qua. Các cấp, các ngành cần ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện phải kịp thời có như vậy mới có căn cứ thực hiện và kiểm soát. Xây dựng đồng bộ và quản lý tốt các loại quy hoạch, thực hiện các dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch. Có cơ chế theo dõi đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư khi đưa vào khai thác sử

dụng, từ đó xác định trách nhiệm từng tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện dự án.

Ba là: Sự chỉ đạo hoạt động KBNN của các cấp và Chính quyền địa phương

Để hoàn thiện, đổi mới kiểm soát chi NSNN trên địa bàn, thực hiện tốt chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí mà Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm để mọi khoản chi NSNN phải được chi đúng chế độ, định mức đồng thời phải tiết kiệm, hiệu quả, đòi hỏi phải có sự quan tâm chỉ đạo của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Quan tâm chỉ đạo sự phối hợp công tác giữa các cơ quan: Tài chính - Thuế - Kho bạc - Hải Quan trên địa bàn, đảm bảo cho công tác điều hành NSNN có hiệu quả, đồng thời ban hành cơ chế điều hành NSNN

Bốn là: Tăng cường trách nhiệm của các bên có liên quan đến quản lý và sử dụng Ngân sách Nhà nước

Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp, các đơn vị và cá nhân liên quan đến sử dụng Ngân sách Nhà nước. Tích cực hướng dẫn để các đơn vị sử dụng NSNN nắm được nội dung, yêu cầu của công tác quản lý NSNN nói chung và các điều kiện, thủ tục quy trình kiểm soát chi qua KBNN trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Tăng cường công tác tuyên truyền về chủ trương và mục đích, ý nghĩa của công tác kiểm soát chi NSNN, góp phần nâng cao nhận thức chung của mọi người. Quán triệt quan điểm kiểm soát chi là trách nhiệm của các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan đến sử dụng NSNN.